

Số: /TB-SYT

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc công bố Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An tại Bản công bố số 1230/KSBT ngày 11 tháng 10 năm 2024 (Mã hồ sơ: 000.00.48.H41-241014-0002) và đối chiếu với các quy định tại Khoản 1 Điều 8, Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH NGHỆ AN**

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm được quy định theo Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của UBND tỉnh Nghệ An.

3. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1205/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 07/5/2021.

4. Địa chỉ: Số 140 Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

5. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS. Chu Trọng Trang.

6. Điện thoại liên hệ: 02383.844.612; Email: tksbntna@gmail.com

7. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành:

Đại học: Y học dự phòng, Y tế công cộng, kỹ thuật viên xét nghiệm y học

8. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết trong hồ sơ đính kèm.

9. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành cho người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng người tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An).

Sở Y tế Nghệ An trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Tuệ

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT
Số: 1237/KSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 11 tháng 10 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An.

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

Số Quyết định thành lập: Số 3617/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của UBND tỉnh Nghệ An.

Số GPMD khám bệnh, chữa bệnh số 1205/SYT-GPMD, do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 07/5/2021.

Địa chỉ: Số 140, đường Lê Hồng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS. Chu Trọng Trang

Điện thoại liên hệ: 02383.844612

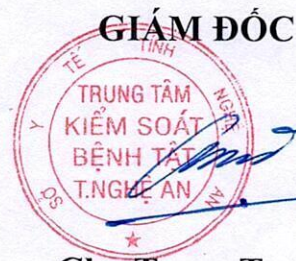
Email: tksbntna@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo thực hành: Y học dự phòng, Y tế công cộng, kỹ thuật viên xét nghiệm y học (Phụ lục 1).
 2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học
 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Phụ lục 1).
 4. Danh sách người giảng dạy đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2).
 5. Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa, phòng: (Phụ lục 1).
 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Phụ lục 3).
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung đã công bố.
Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc TT;
- Các Khoa/Phòng;
- Lưu: VT, KHN. 



Chu Trọng Trang

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NGHỆ AN
(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Bản công bố số: 1230 /KSBT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I. Đại học: Y học dự phòng, y tế công cộng, kỹ thuật xét nghiệm y học										
1	7720110	Đại học	Y học dự phòng	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	- Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm - Tiêm chủng mở rộng - Phân tích số liệu, vẽ bản đồ dịch tễ học	Khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm	2	20	0	20
				Bệnh không lây nhiễm	Các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm Hoạt động chăm sóc, phát hiện sớm, quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.	Khoa Phòng chống BKLN	1	10	0	10
				Dinh dưỡng	- Dinh dưỡng cộng đồng. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng - Phòng chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng	Khoa Dinh dưỡng	1	10	0	10

1/24

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học	- Kỹ thuật khảo sát các chỉ tiêu: nhà vệ sinh, chất lượng nước. - Quản lý chất thải y tế. - Quản lý y tế trường học. Bệnh học đường	Khoa Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học;	1	10	0	10
				Bệnh nghề nghiệp	- Sức khoẻ nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp. - Chuẩn đoán bệnh nghề nghiệp - Quan trắc môi trường lao động	Khoa Bệnh nghề nghiệp	1	10	0	10
				Kiểm dịch y tế	- Xử lý y tế, kiểm dịch y tế trên đường bộ, đường biển và đường hàng không	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	1	10	0	10
				Sức khoẻ sinh sản	- Kỹ thuật về sức khoẻ sinh sản. - Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ - Kế hoạch hoá gia đình - Phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Sức khoẻ sinh sản	2	20	0	20
				Sốt rét - Ký sinh trùng- Côn trùng	Phòng, chống các bệnh sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	Khoa Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	2	20	0	20
				HIV	Quản lý, điều trị dự Phòng, chống HIV/AIDS	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS	1	10	0	10

thay

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Giáo dục sức khoẻ	- Truyền thông nguy cơ, truyền thông thay đổi hành vi, truyền thông vận động về sức khoẻ. - Xây dựng tài liệu truyền thông giáo dục sức khoẻ	Khoa Truyền thông, giáo dục sức khoẻ	1	10	0	10
Tổng cộng:							13	130	0	130
2	7720701	Đại học	Y tế công cộng	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	- Quản lý các bệnh truyền nhiễm - Điều tra, xử lý các vụ dịch - Tiêm chủng mở rộng	Khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm	2	20	0	20
				Dịch tễ học bệnh không lây nhiễm	- Các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm - Hoạt động chăm sóc, phát hiện sớm, quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng	Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm	1	10	0	10
				Dinh dưỡng	- Phân tích tình trạng dinh dưỡng - Phòng chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng	Khoa Dinh dưỡng	1	10	0	10
				Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học	- Kỹ thuật khảo sát các chỉ tiêu: nhà vệ sinh, chất lượng nước. - Quản lý chất thải y tế. - Quản lý y tế trường học. Bệnh học đường	Khoa Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học;	1	10	0	10

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh nghề nghiệp	- Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp. - Chuẩn đoán bệnh nghề nghiệp - Quan trắc môi trường lao động	Khoa Bệnh nghề nghiệp	2	20	0	20
				Kiểm dịch y tế	- Xử lý y tế, kiểm dịch y tế trên đường bộ, đường biển và đường hàng không	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	1	10	0	10
				Sức khỏe sinh sản	- Kỹ thuật về sức khỏe sinh sản. - Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ - Kế hoạch hoá gia đình - Phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Sức khỏe sinh sản	2	20	0	20
				Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	Khoa Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	2	20	0	20
				HIV/AIDS	Quản lý, điều trị dự Phòng, chống HIV/AIDS	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS	2	20	0	20
				Giáo dục sức khỏe	- Truyền thông nguy cơ, truyền thông thay đổi hành vi, truyền thông vận động về sức khỏe. - Xây dựng tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe	Khoa Truyền thông, giáo dục sức khỏe	1	10	0	10
Tổng cộng:							15	150	0	150
3	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét	Xét nghiệm vi sinh học	- Xét nghiệm chẩn đoán các tác nhân gây bệnh do vi	Khoa Xét nghiệm – CĐHA-TDCN	1	10	0	10

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			nghiệm y học		khuẩn, virus - Kỹ thuật nuôi và phân lập cây các tác nhân Virus, vi khuẩn					
				Xét nghiệm huyết học	Xét nghiệm các chỉ tiêu sinh hoá huyết học	Khoa Xét nghiệm – CDHA-TDCN	1	10	0	10
				Xét nghiệm trong nước, thực phẩm	- Kỹ thuật kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm - Kỹ thuật kiểm nghiệm hoá – lý thực phẩm	Khoa Xét nghiệm – CDHA-TDCN	2	20	0	20
				Ký sinh trùng	- Xét nghiệm ký sinh trùng	Khoa Xét nghiệm – CDHA-TDCN	2	20	0	20
Tổng cộng:							6	60	0	60

GIÁM ĐỐC



Chu Trọng Trang

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/PHÒNG ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số: 1230 /KSBT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
Đại học Y học dự phòng									
1	Nguyễn Trọng Di	Th sĩ	Y học dự phòng	008177/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	10	Dịch tễ học	- Dịch tễ học và các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm - Tiêm chủng mở rộng - Phân tích số liệu, vẽ bản đồ dịch tễ học	Khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm
2	Bùi Tiến Dũng	BSCKI	Y học dự phòng	008181/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	25			
3	Lê Tuấn Anh	BS CKII	Y học dự phòng	008171/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	10	Bệnh không lây nhiễm	Các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Khoa Phòng chống BKLN

Stamp: TỈNH NGHỆ AN, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT, and a signature.

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c huyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Anh Tuấn	BS	Đa khoa	008183/NA-CCHN	Chuyên khoa Dinh dưỡng	26	Dinh dưỡng	- Phân tích tình trạng dinh dưỡng - Phòng chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng	Khoa Dinh Dưỡng
5	Bùi Thị Thuý Ngân	BSCK I	Y tế công cộng	008219/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	19	Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học	- Kỹ thuật khảo sát các chỉ tiêu: nhà vệ sinh, chất lượng nước. - Quản lý chất thải y tế. - Quản lý y tế trường học. Bệnh học đường	Khoa Sức khoẻ môi trường- Y tế trường học;
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	BS CKI	Nội khoa	008172/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	21	Bệnh nghề nghiệp	- Sức khoẻ nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp. - Chuẩn đoán bệnh nghề nghiệp - Quan trắc môi trường lao động	Khoa Bệnh nghề nghiệp
7	Cao Xuân Thành	BS CKI	Y tế công cộng	008218/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	26	Kiểm dịch y tế	- Xử lý y tế, kiểm dịch y tế trên đường bộ, đường biển và đường hàng không	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế

2/10/2024

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
8	Lê Thị Hằng	BS CKI	Sản phụ khoa	000314/NA-CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	26	Sức khỏe sinh sản	- Kỹ thuật về sức khỏe sinh sản. - Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ - Kế hoạch hoá gia đình - Phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Sức khỏe sinh sản
9	Võ Thị Phượng	BSCK I	Sản phụ khoa	000312/NA-CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	26			
10	Phạm Thị Hoàng Liên	BS CKI	Ký Sinh Trùng	007606/NA-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sốt rét- Ký sinh trùng- côn trùng	27	Sốt rét – Ký sinh trùng- Côn trùng	Phòng, chống các bệnh sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	Khoa Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng
11	Phạm Đình Tùng	BSCK I	YTCC	007626/NA-CCHN		29			
12	Trần Thị Thu Hà	BS CKI	Y học dự phòng	008220/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	8	HIV/AIDS	Quản lý, điều trị dự Phòng, chống HIV/AIDS	Khoa PC HIV/AIDS
13	Thái Sỹ Thân	BS	Đa khoa	008175/NA-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số bệnh tại cộng đồng	22	Giáo dục sức khỏe	- Truyền thông nguy cơ, truyền thông thay đổi hành vi, truyền thông vận động về sức khỏe. - Xây dựng tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe	Khoa Truyền thông, giáo dục sức khỏe

CHỮA

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
II Đại học Y tế công cộng									
1	Nguyễn Huy Anh	Th sĩ	Y học dự phòng	-	-	10	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	-Quản lý các bệnh truyền nhiễm -Điều tra, xử lý các vụ dịch - Tiêm chủng mở rộng	Khoa Phòng chống bệnh truyền nhiễm
2	Nguyễn Thành Lợi	Th sĩ	YTCC	-	-	10			
3	Nguyễn Thị Hiền	Ths	Y học dự phòng	-		9	Dịch tễ học bệnh không lây nhiễm	- Các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm
4	Đào Thị Phúc	Th sĩ	Y học dự phòng	-	-	8	Dinh dưỡng	- Phân tích tình trạng dinh dưỡng - Phòng chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng	Khoa Dinh dưỡng
5	Nguyễn Văn Hà	Bác sĩ	Đa khoa	-	-		Sức khỏe môi trường- Y tế trường học	- Kỹ thuật khảo sát các chỉ tiêu: nhà vệ sinh, chất lượng nước. - Quản lý chất thải y tế. - Quản lý y tế trường học. Bệnh học đường	Khoa Sức khỏe môi trường- Y tế trường học;
						16			

3/2/24

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c huyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
6	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Th sĩ	YTCC	-	-	10	Bệnh nghề nghiệp	- Sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp. - Chuẩn đoán bệnh nghề nghiệp. Quan trắc môi trường lao động	Khoa Bệnh nghề nghiệp
7	Đặng Xuân Quỳnh	Bác sĩ	Đa khoa	-	-	3			
8	Hoàng Chí Thành	BS	Đa khoa	-	-	15	Kiểm dịch y tế	- Xử lý y tế, kiểm dịch y tế trên đường bộ, đường biển và đường hàng không	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế
9	Nguyễn Thị Hồng	BSCK I	Sản phụ khoa	003678/NA -CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	20	Sức khỏe sinh sản	- Kỹ thuật về sức khỏe sinh sản. Kế hoạch hoá gia đình - Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ - Phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Sức khỏe sinh sản
10	Hồ Thị Thu Hương	Bác sĩ	Đa khoa	009430/NA -CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	22			
11	Lê Hồng Sơn	Th sĩ	Y học dự phòng	007608/NA -CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sốt rét-Ký sinh trùng – Côn trùng	27	Ký sinh trùng	Phòng, chống các bệnh sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	Khoa Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng
12	Trần Đức Nam	Bác sĩ	Đa khoa	007612/NA -CCHN		25			
13	Dương Thị Hiền	Th sĩ	YTCC	-	-	17	HIV/AIDS	Quản lý, điều trị dự Phòng, chống HIV/AIDS	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS
14	Hoàng Thị Thương	Th sĩ	YTCC	-	-	10			
15	Thái Thị Thuý	BS	Y học dự phòng	-	-	2	Giáo.dục sức khỏe	- Truyền thông giáo.dục về sức khỏe.Xây dựng tài liệu truyền thông giáo.dục sức khỏe	Khoa Truyền thông, GDSK

629

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/c chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB (năm)	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
III Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học									
1	Hồ Thị Lan Mai	ThS	Sinh học thực nghiệm	013235/NA-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	16	Xét nghiệm vi sinh học	- Xét nghiệm chẩn đoán các tác nhân gây bệnh do vi khuẩn, virus - Kỹ thuật nuôi và phân lập cấy các tác nhân VR, VK	Khoa XN – CDHA-TD CN
2	Tô Đình Thi	CN	Xét nghiệm	011927/NA-CCHN	Xét nghiệm	9	Xét nghiệm huyết học	Xét nghiệm các chỉ tiêu sinh hoá huyết học	Khoa XN – CDHA-TD CN
3	Cao Thuý Trinh	Th sĩ	Hoá phân tích	-	-	18	Xét nghiệm trong nước, thực phẩm	- Kỹ thuật kiểm nghiệm vi sinh nước, thực phẩm - Kỹ thuật kiểm nghiệm hoá – lý nước, thực phẩm	Khoa XN – CDHA-TD CN
4	Lê Thị Nga	Th sĩ	Sinh học	-	-	13			
5	Hồ Duy Sỹ	BSCK I	Xét nghiệm	008613/NA-CCHN	Xét nghiệm	18	Ký sinh trùng	- Xét nghiệm ký sinh trùng	Khoa XN – CDHA-TD CN
6	Nguyễn Thị Mận	CN	Xét nghiệm	009622/NA-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	13			



Chu Trọng Trang

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TẠI ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG
DẠY THỰC HÀNH**

*(Kèm theo Bản công bố số: 1230 /KSBT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm
Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)*

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
I	TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG		
1	Hội trường giảng dạy	3	
2	Hệ thống máy tính, laptop	100	
3	Máy chiếu, màn chiếu	3	
4	Phòng trực	6	
II	KHOA SÓT RÉT-KÝ SINH TRÙNG-CÔN TRÙNG		
5	Đèn bắt muỗi	4	
6	Hộp thử tes	1	
7	Kính lúp OLYmpus VE-3	3	
8	Kính lúp paragon (J 511203)	1	
III	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHUYÊN KHOA - BỘ PHẬN SKSS		
9	Bàn để dụng cụ I noc	11	
10	Bàn khám phụ khoa	8	
11	Bình CO2	2	
12	Bình oxy nhỏ	1	
13	Bình oxy to	2	
14	Bộ hút thai	27	
15	Bồn rửa tay tiệt trùng phẫu thuật	2	
16	Bục lên xuống	4	
17	Cân	1	
18	Ghế xoay I noc	10	
19	Giường bệnh nhân	4	
20	Hộp đựng bông	10	
21	Hộp đựng mỏ vịt	5	
22	Hộp đựng săng	5	
23	Máy Dopple nghe TT	2	
24	Máy đốt điện	1	
25	Máy giặt công nghiệp	1	
26	Máy Soi CTC	1	

2/10/24

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
27	Nồi hấp tiệt trùng (≥ 200 lít)	1	
28	Tủ	2	
29	Tủ đầu giường	3	
30	Tủ đựng dụng cụ	5	
31	Tủ hấp	1	
32	Tủ sấy	2	
33	Tủ sấy dụng cụ (180 - 200L)	2	
34	Tủ thuốc	1	
IV	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHUYÊN KHOA - BỘ PHẬN PHÒNG KHÁM SÓT RÉT-KÝ SINH TRÙNG		
35	Bàn tiêm	1	
36	Cân đứng	1	
37	Giường bệnh nhân	11	
38	Tủ cấp cứu	4	
39	Tủ đầu giường	6	
40	Tủ sắt đầu giường	3	
V	KHOA XN-CĐHA-TDCN		
5.1	<i>Phòng xét nghiệm sức khỏe sinh sản</i>		
41	Máy siêu âm 4D 550 XTD - VEROZ(1 đầu dò âm đạo; 1 đầu dò covert)	1	
42	Máy siêu âm 4D - Sonixtouch(1 đầu dò khối; 1 đầu dò âm đạo, 1 đầu dò covert)	1	
43	Máy Siêu âm 2D xách tay(1 đầu dò covert)	1	
44	Máy sấy phim	1	
45	Máy hút ẩm	3	
46	Kính hiển vi	4	
47	Máy huyết học	1	
48	Máy ly tâm 8 lỗ	1	
49	Máy ly tâm 24 lỗ	1	
50	Máy ly tâm 24 lỗ	1	
51	Máy Thrombostat	1	
52	Máy nước tiểu SIEMENS	1	
53	Máy Ủ Ấm	1	
54	Tủ Lạnh (bảo ôn)	1	
55	Máy đếm tinh trùng	1	
56	Máy hút ẩm	1	
57	Tủ sắt đựng hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm	3	
58	Bàn làm xét nghiệm	3	

2/24

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
5.2	<i>Phòng xét nghiệm Sốt rét-KST-CT</i>		
59	Ấm kê	1	
60	Bộ dây máy điện tim 3 cần	1	
61	Giường	2	
62	Kính hiển vi CX 41	3	
63	Kính hiển vi ZEISS	2	
64	Máy cất nước cất	1	
65	Máy hút bụi mini	1	
66	Máy huyết học 28 thông số	1	
67	Máy in (SA)	1	
68	MÁY IN HP P1102 (kèm máy Elia tự động)	1	
69	Máy in kim	1	
70	Máy ly tâm Kubota	1	
71	Máy sấy lam	1	
72	Máy siêu âm	1	
73	Máy siêu âm xách tay	1	
74	Máy sinh hóa tự động A25	1	
75	Máy Tính (SA)	1	
76	Máy vi tính (kèm máy sinh hóa tự động A25)	1	
77	Máy vi tính (kèm máy XN miễn dịch Elisa tự động)	1	
78	Máy XN Huyết học 18 thông số	1	
79	Nồi hấp SA -232	1	
80	Ồn áp	1	
81	Pipet man	8	
82	Tích điện C1k	1	
83	Tích điện On-Like 2KBA	1	
84	Tủ lạnh	1	
5.3	<i>Phòng Hóa - Nước</i>		
85	Bể siêu âm	1	
86	Bộ lọc chân không	1	
87	Bơm màng chân không không dầu Heidolpl	1	
88	Hệ thống BOD	1	
89	Máy cất nước 2 lần	1	
90	Máy đo clo dư	1	
91	Máy đo độ đục cầm tay	1	
92	Máy đo độ màu	1	
93	Máy đo FLO cầm tay	1	

28/3/24

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
94	Máy ly tâm Eppendorf	1	
95	Nồi cách thủy	2	
96	Tủ chuyên dụng đựng hoá chất	1	
97	Tủ hút chịu nhiệt, chịu acid	1	
98	Tủ lạnh cửa kính bảo quản chế phẩm sinh học	1	
99	Tủ sấy 200°C	1	
5.4	Phòng độc chất		
100	Bộ chung cất đậm bán tự động	1	
101	Lò nung	1	
102	Máy lắc	1	
103	Máy lắc ngang Orbit 1000	2	
104	Máy li tâm EBA-20/Andrea	1	
105	Tủ bảo ôn (bảo quản hóa chất)	1	
5.5	Phòng hóa thực phẩm		
106	Bếp cách thủy 6 chỗ	1	
107	Bơm chân không màng	1	
108	Cân kỹ thuật	1	
109	Cân phân tích	2	
110	Cân sấy độ ẩm	1	
111	Máy cất nước 2 lần	1	
112	Máy chiết chất béo 3 chỗ	1	
113	Máy đo bụi	1	
114	Máy đo cường độ ánh sáng	1	
115	Máy đo độ cồn	1	
116	Máy đo lưu lượng không khí	1	
117	Máy hút ẩm	1	
118	Máy hút ẩm FUJIE	2	
119	Máy khuấy từ gia nhiệt ở 500°C	1	
120	Máy nghiền	1	
121	Máy quang phổ kế phân tử uv-1800	1	
122	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV mini-1240/V	1	
123	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	
124	Máy sục chân không	1	
125	Máy tính + máy in	1	
126	Máy trộn mẫu (Lắc Vortexer)	1	
127	Máy xay mẫu	1	

20/4

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
128	Máy xay mẫu khô	1	
129	Nhiệt kế hiển thị số	1	
130	Nồi cách dầu	1	
131	Thiết bị lấy mẫu không khí	1	
132	Thiết bị phát hiện đa khí X-am 8000 (kèm cencer: CO,CO ₂ , NO ₂ ,H ₂ S – Đo môi trường	1	
133	Thiết bị phát hiện đơn khí Pac 6500 - Đo môi trường	1	
134	Tủ hút chịu nhiệt, chịu acid	1	
135	Tủ sấy	1	
5.6	Phòng hóa Vô cơ		
136	Bếp điện cát đạm	2	
137	Bếp phá mẫu Model DK6/48	1	
138	Bình khí agor	1	
139	Bình khí axetylen	1	
140	Bộ chưng cất đạm UDK 139 (Bếp phá mẫu Model DK6/48)	1	
141	Bộ lọc và hút khí độc	1	
142	Bộ nén khí	1	
143	Lò nung	1	
144	Máy chưng cất đạm UDK 139	1	
145	Máy khuấy từ	1	
146	Máy làm lạnh	1	
147	Máy tính + máy in	1	
148	Nhiệt kế hiển thị số	1	
5.6	Phòng Vi sinh		
149	Bể điều nhiệt (Nồi đun cách thủy)	1	
150	Bộ chiết béo tự động	1	
151	Bộ chưng cất đạm tự động	1	
152	Cân kỹ thuật	2	
153	Cân phân tích	2	
154	Hệ thống BOD (24 vị trí)	1	
155	Hệ thống COD	1	
156	Hệ thống bàn, ghế, giá đỡ PXN	1	
157	Hệ thống Cô quay chân không	1	
158	Hệ thống Elisa bán tự động	2	
159	Hệ thống Eliza tự động	1	

20/07/24

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
160	Hệ thống phá mẫu vi sóng	1	
161	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử	1	
162	Hệ thống sắc ký ion kép	1	
163	Hệ thống sắc ký khí khối phổ (02 lần khối phổ)	1	
164	Hệ thống xe chụp XQ kỹ thuật số lưu động	1	
165	Kính hiển vi	3	
166	Kính hiển vi quang học (kết nối camera)	1	
167	Kính hiển vi soi nổi SMZ445	1	
168	Kính HVQH	1	
169	Lò vi sóng	1	
170	Máy cất nước	1	
171	Máy dán mẫu	1	
172	Máy dập mẫu	1	
173	Máy đếm KL	1	
174	Máy đo độ đục (để bàn)	1	
175	Máy đo độ màu (để bàn)	1	
176	Máy đo loãng xương	1	
177	Máy đo pH (để bàn)	1	
178	Máy đọc Real Time PCR Abbot	1	
179	Máy đọc RealTime PCR	3	
180	Máy đóng môi trường	1	
181	Máy gặt Panasonic	1	
182	Máy hút ẩm	4	
183	Máy hút ẩm Akyo	2	
184	Máy khuấy từ	1	
185	Máy lấy mẫu không khí	2	
186	Máy li tâm	2	
187	Máy li tâm lạnh	3	
188	Máy lọc nước khử ion	1	
189	Máy Màng lọc chân không	1	
190	Máy nghiền mẫu khô	1	
191	Máy PCR Vingruop	1	
192	Máy phân tích khí (đa chỉ tiêu sử dụng công nghệ NDIR hoặc đầu dò FID và PID)	1	
193	Máy phân tích khí (đa chỉ tiêu, cencer điện hóa)	1	
194	Máy quang phổ hấp thụ phân tử	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
195	Máy siêu âm tổng quát (4D)	1	
196	Máy Spindow	4	
197	Máy tách tự động ABBOT	1	
198	Máy ủ nhiệt	1	
199	Máy Ủ nhiệt	1	
200	Máy Vortex	2	
201	Máy xay mẫu	1	
202	Máy xét nghiệm miễn dịch	1	
203	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1	
204	Máy XN sinh hóa bán tự động	1	
205	Nồi hấp	2	
206	Nồi hấp tiệt trùng	1	
207	Nồi hấp Uớt	1	
208	Tủ âm (180-200L)	1	
209	Tủ âm 25°C	1	
210	Tủ âm 30°C	1	
211	Tủ âm 37°C	2	
212	Tủ âm 44°C	1	
213	Tủ âm sâu	1	
214	Tủ âm sâu -20°C	2	
215	Tủ âm sâu 40 C	1	
216	Tủ an toàn sinh học	1	
217	Tủ ATSH	1	
218	Tủ ATSH Cấp II	1	
219	Tủ bảo ôn	2	
220	Tủ bảo quản (2-8 C)	2	
221	Tủ cấp đông	1	
222	Tủ lạnh	3	
223	Tủ lạnh âm sâu -50	1	
224	Tủ lạnh âm sâu -80	1	
225	Tủ sấy	1	
226	Tủ sấy LDO 150F	1	
227	Tủ thao tác PCR	2	
5.6	Phòng huyết thanh		
228	Dàn ELISA + Bộ vi tính (nguyên bộ)	1	
229	Giá và pipet bán tự động loại đơn kênh	1	

9/10/2024

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
230	Máy hút ẩm Akyo	1	
231	Máy Huyết học MEK6510	1	
232	Máy Huyết học Celltacα 6510k	1	
233	Máy ly tâm	1	
234	Máy sinh hóa AU 400	1	
235	Tủ bảo quản hóa chất (chuyển từ HIV sang)	1	
5.7	<i>Phòng xét nghiệm HIV</i>		
236	FACSCount	1	
237	Máy cất nước	1	
238	Máy hút ẩm	1	
239	Máy lắc	1	
240	Máy ly tâm	1	
241	Máy vi tính	3	
242	Tủ ATSH Class II	1	
243	Tủ ATSH ESCO	1	
244	Tủ lạnh	1	
245	Tủ lạnh âm Panasonic	1	
246	Vòi rửa mắt	1	

GIÁM ĐỐC

Chu Trọng Trang